

Bản số: 42/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27- 9 -2024

V/v Tranh chấp ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Hồng Thái
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Dương Thị Thu Hằng
Bà Nguyễn Thanh Thủy.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Lô Thị Lệ Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:* Bà Trần Minh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 169/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lý Thị H, sinh năm 1995;
Đăng ký thường trú: **Xóm G , xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.**
(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Anh Lục Văn Đ, sinh năm 1994;
Đăng ký thường trú: **Xóm G , xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.**
(Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án Nguyên đơn chị Lý Thị H trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh **Lục Văn Đ** kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại **ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên** trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ của anh **Đ** ở **xóm G, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên**. Vợ chồng sống chung hạnh phúc thời gian đầu nhưng sau không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Đến năm 2023 chị **H** quyết định sống ly thân với anh **Đ** và trở về

nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay.

Nay chị **H** xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Lục Văn Đ**.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là **Lục Bảo A**, sinh ngày 05/01/2017. Khi ly hôn, chị **H** có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu anh **Đ** đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Chị **H** xác định vợ chồng tự thoả thuận tài sản chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung*: Vợ chồng không có.

2. Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh **Trần Văn Đ1 trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Năm 2016 anh và chị **Lý Thị H** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên**. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ của anh tại **xóm G, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên**. Vợ chồng có cãi nhau nhưng không có mâu thuẫn gì lớn. Đầu năm 2023 chị **H** tự bỏ nhà đi về bên ngoại không xin phép gia đình chồng. Đến nay anh cũng không còn tình cảm vợ chồng với chị **H** do cả hai không còn chung sống với nhau.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là **Lục Bảo A**, sinh ngày 05/01/2017. Anh **Đ** mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng chị **H** cương quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu chị **H** cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Vợ chồng không có.

Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu **Lục Bảo A** thể hiện khi bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ là chị **Lý Thị H**.

Tại đơn đề nghị của ông **Lý Văn H1** và bà **Lăng Thị H2** là bố mẹ đẻ của chị **Lý Thị H** đề nghị Toà án xem xét nguyện vọng của chị **H** được nuôi cháu **Lục Bảo A**. Chị **H** đang sống cùng ông bà tại **xóm Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên**. Sau khi chị **H** ly hôn, ông bà sẵn sàng cho chị **H** và cháu **A** sống cùng gia đình; Đồng thời ông bà giúp chị **H** chăm sóc và tạo mọi điều kiện tốt nhất để cháu **A** phát triển về thể chất và tinh thần.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải để các bên đoàn tụ nhưng chị **H** xác định vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, chị không thể chung sống với anh **Đ** nên đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải mà đưa vụ án ra xét xử để chị sớm ổn định cuộc sống.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm :

* Về tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, căn cứ Điều 28, 35, 39 BLTTDS Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự (Nguyên đơn) kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành quy định của pháp luật theo Điều 70,72 BLTTDS.

* Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 21; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56; 58; 81;82;83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị **Lý Thị H**, cho chị **H** được ly hôn với anh **Lục Văn Đ**.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là **Lục Bảo A**, sinh ngày 05/01/2017. Đề nghị giao con **Lục Bảo A**, sinh ngày 05/01/2017 cho chị **Lý Thị H** trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi là phù hợp, anh **Đ** có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Không xem xét về cấp dưỡng nuôi con do đương sự không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do các bên không có yêu cầu.

- Về án phí: Chị **H** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

(Có bài phát biểu lưu hồ sơ)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Về tố tụng: Nguyên đơn chị **Lý Thị H** khởi kiện xin ly hôn với bị đơn là anh **Lục Văn Đ**. Anh **Đ** và chị **H** đều đăng ký thường trú tại **xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên**. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ cho Nguyên đơn, bị đơn đến Tòa án trình bày quan điểm, viết bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử giấy triệu tập phiên tòa lần 1, lần 2 cho anh **Đ** đến tham gia phiên tòa nhưng anh **Đ** vẫn vắng mặt không có lý do là không có ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật. Vì vậy HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh **Đ**.

* Về nội dung vụ án:

[1]. **Về quan hệ hôn nhân:** Chị **Lý Thị H** và anh **Trần Văn Đ** kết hôn năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **N**, huyện **Đ**, tỉnh **Thái Nguyên** trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Lý do ly hôn theo chị **H** trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng chị **H** và anh **Đ1** chung sống cùng gia đình bố mẹ đẻ của anh **Đ** thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, sau mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng không cùng quan điểm sống. Đến nay vợ chồng đã sống ly thân, chị đã trở về nhà bố mẹ đẻ tại xóm **Đ**, xã **N**, huyện **Đ** ở, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa chị giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh **Đ** vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. Tại biên bản lấy lời khai, anh **Đ** cũng xác định vợ chồng không còn chung sống với nhau nên không còn tình cảm nhưng anh không nhất trí ly hôn chị **H**, chỉ vì mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung. Như vậy xác định hôn nhân giữa chị **H** và anh **Đ1** không còn tồn tại, hai bên không còn quan tâm đến nhau là vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng. Nội dung “Điều 19. Tình nghĩa vợ chồng:

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”

HĐXX xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị **H** và anh **Đ** đã sống ly thân, hai bên không cùng sống chung một mái nhà mà sống mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau nên xác định tình cảm vợ chồng giữa chị **Lý Thị H** và anh **Lục Văn Đ** không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Vì vậy xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị **Lý Thị H** là có cơ sở chấp nhận, cho chị **Lý Thị H** được ly hôn anh **Lục Văn Đ** là phù hợp với thực tế và Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] **Về con chung:** Vợ chồng có 01 con chung là **Lục Bảo A**, sinh ngày 05/01/2017. Cả chị **H** và anh **Đ** đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Xét thấy, cháu **A** có nguyện vọng được ở với mẹ (chị **H**), đồng thời cháu lại là con gái, đến tuổi dậy thì rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ.

Phía gia đình bố mẹ đẻ chị **H** cam kết giúp chị **H** chăm sóc cho mẹ con chị **H** và cháu **A**. Do đó, để đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho con chưa thành niên. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **Lý Thị H**, giao cho chị **Lý Thị H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung **Lục Bảo A**, sinh ngày 05/01/2017 đến khi con trưởng thành(đủ 18 tuổi) hoặc đến khi các bên có sự thay đổi

khác.

* *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung*: Hội đồng xét xử không giải quyết do chị **Lý Thị H** không yêu cầu.

* *Quyền đi lại thăm nom con chung*: Anh **Lục Văn Đ** có quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp cần thiết, vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. *Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung*: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do chị **Lý Thị H** và anh **Lục Văn Đ** không yêu cầu.

[4] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị **Lý Thị H** phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước.

[5]. *Quyền kháng cáo*: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 482, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình;
- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị **H**, cho chị **Lý Thị H** được ly hôn anh **Lục Văn Đ**. Quan hệ hôn nhân giữa chị **Lý Thị H** và anh **Lục Văn Đ** chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung **Lục Bảo A**, sinh ngày 05/01/2017 cho chị **Lý Thị H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác.

* *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung*: Không giải quyết do chị **Lý Thị H** không yêu cầu.

* *Quyền đi lại thăm nom con chung*: Anh **Lục Văn Đ** có quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp cần thiết, vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do chị **H** và anh **Đ** không yêu cầu.

4. Án phí: Chị **Lý Thị H** phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0007266 ngày 07/8/2024** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị **Lý Thị H**, vắng mặt anh **Lục Văn Đ**. Báo cho chị **H** biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Báo cho anh **Lục Văn Đ** biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH năm 2016, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu VT, HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Mai Thị Hồng Thái